

TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ 21

• BAN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trong những năm qua, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của toàn dân, sự nghiệp giáo dục nước ta đã có bước phát triển và đạt được những thành tựu quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, góp phần đắc lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1. Những thành tựu

a. Một hệ thống giáo dục quốc dân tương đối hoàn chỉnh, thống nhất và đa dạng hoá đã được hình thành với đầy đủ các cấp học và trình độ đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân, trước hết là ở giáo dục phổ thông.

Mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp trên toàn quốc với các loại hình. Năm học 2006-2007, cả nước có 39.416 trường học, trong đó giáo dục mầm non: 11.509 trường; giáo dục phổ thông: 27.595 trường; giáo dục nghề nghiệp: 1130 cơ sở; giáo dục đại học: 322 cơ sở. Về cơ bản đã xóa được "xã trắng" về giáo dục mầm non; trường tiểu học đã có ở tất cả các xã, trường trung học cơ sở có ở xã hoặc cụm liên xã, trường trung học phổ thông có ở tất cả các huyện. Các cơ sở đào tạo nghề phát triển dưới nhiều hình thức. Các trường đại học và cao đẳng được thành lập ở hầu hết các địa bàn dân cư lớn, các vùng, các địa phương. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi đã có trường nội trú và bán trú cho con em các dân tộc thiểu số.

Hệ thống giáo dục được đa dạng hoá cả về loại hình và phương thức đào tạo. Số cơ sở giáo dục ngoài công lập ngày càng tăng, năm học 2006-2007, cả nước có 6.049 cơ sở giáo dục mầm non (gồm cả nhà trẻ và mẫu giáo), 90 trường tiểu học, 49 trường trung học cơ sở (THCS); 617 trường trung học phổ thông

(THPT); 64 trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và 47 trường cao đẳng (CĐ), đại học (ĐH) ngoài công lập.

Hiện nay, cả nước có 8.355 trung tâm học tập cộng đồng; 573 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp quận/huyện; 63 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; 27 trường bổ túc văn hoá; 750 trung tâm tin học với hàng trăm chi nhánh; 12 trường đại học triển khai các chương trình đào tạo từ xa.

Ngoài ra, còn có gần 70 cơ sở đào tạo ngoại ngữ và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có yếu tố nước ngoài và 2 cơ sở đào tạo đại học 100% vốn nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam.

b. Quy mô giáo dục tăng nhanh, bước đầu đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Năm học 2006-2007, cả nước có 22.993.348 học sinh, sinh viên, trong đó: 3.147.252 học sinh mầm non; 7.029.400 học sinh tiểu học; 6.152.000 học sinh trung học cơ sở; 3.075.200 học sinh trung học phổ thông; 1.569.980 học sinh học nghề; 515.670 học sinh trung cấp chuyên nghiệp; 1.503.846 sinh viên cao đẳng, đại học; 42.979 học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Năm 2007, số sinh viên cao đẳng, đại học trên một vạn dân đạt 179. Quy mô đào tạo nghề tăng nhanh, giai đoạn 2001-2006 có 6,6 triệu người đã được đào tạo nghề (tăng bình quân 6,5%/năm), trong đó dạy nghề dài hạn đạt 1,14 triệu người.

Lực lượng lao động đã qua đào tạo theo các loại hình và trình độ đào tạo khác nhau chiếm 31,5% (năm 2007); tỉ lệ người làm việc từ 15 tuổi trở lên có trình độ từ cao đẳng trở lên đạt bình quân 4,2% trong cả nước, góp phần thúc đẩy

quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Việc phát triển các hình thức giáo dục thường xuyên đã tạo thêm cơ hội học tập cho nhân dân, trước hết là thanh, thiếu niên, bước đầu góp phần hình thành xã hội học tập.

c. Chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo đã có chuyển biến bước đầu. Nội dung giảng dạy và kiến thức của học sinh phổ thông đã có tiến bộ, toàn diện hơn. Trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới của một bộ phận học sinh, sinh viên được nâng cao; giáo dục trung học phổ thông chuyên đạt trình độ cao của khu vực và thế giới, số học sinh phổ thông đoạt các giải quốc gia và quốc tế ở một số môn học ngày càng tăng. Số đông sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng có hoài bão lập thân, lập nghiệp và có tinh thần tự lập, năng động, và đại bộ phận đã kiếm được việc làm (năm 2005, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học có việc làm là 95,8%). Chất lượng đào tạo của một số ngành khoa học cơ bản và khoa học công nghệ đã được nâng cao một bước, chất lượng đào tạo của một số ngành nghề về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu của thực tế sản xuất và đời sống hiện nay. Đặc biệt, sự tiến bộ về nhận thức chính trị và trách nhiệm xã hội của học sinh, sinh viên cùng với đội ngũ giáo viên, giảng viên đã và đang công tác có những cống hiến quan trọng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế, xã hội, góp phần vào việc đảm bảo ổn định chính trị của đất nước.

Mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục được đổi mới, bước đầu đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng của người học, thích ứng với bối cảnh trong nước và quốc tế. Việc đổi mới phương pháp dạy học, công tác đánh giá, thi cử ở các cấp học, các kì thi tốt nghiệp phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng cũng đã có những kết quả đáng khích lệ.

Đã xây dựng được một đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đồng đảo với trình độ ngày càng được nâng cao. Năm học 2006-2007, cả nước có 1.133.083 giáo viên, giảng viên, trong đó có 163.809 giáo viên mầm non; 344.521 giáo viên tiểu học; 310.620 giáo viên

trung học cơ sở; 125.460 giáo viên trung học phổ thông; 8.394 giáo viên dạy nghề; 14.540 giáo viên trung cấp chuyên nghiệp và 53.518 giảng viên đại học, cao đẳng.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở các cấp, bậc học, ở mọi vùng, miền đã được cải thiện đáng kể, nhất là từ khi thực hiện chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và kiên cố hoá trường, lớp học. Cơ sở vật chất kĩ thuật các trường được nâng cấp, cải thiện. Số trường lớp được xây dựng mới theo chuẩn quốc gia ngày càng tăng.

d. Công tác xã hội hoá giáo dục đã đem lại kết quả bước đầu. Các lực lượng xã hội tham gia ngày càng tích cực vào việc huy động trẻ đến trường, xây dựng cơ sở vật chất của trường học, đầu tư mở trường, đóng góp kinh phí cho giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau. Năm 2006 phần đóng góp của người dân cho học tập của con em ở trường công lập và ngoài công lập vào khoảng 25%. Bên cạnh đó, cũng đã huy động được sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và thu hút được đầu tư nước ngoài.

Các cơ sở giáo dục ngoài công lập có bước phát triển nhất định, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập ngày càng tăng của xã hội. Số lượng học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập ngày càng tăng. Hiện nay, cả nước có 1.802.492 trẻ dưới 5 tuổi học trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Tổng số học sinh phổ thông ngoài công lập là 1.065.273 em, chiếm 6,55% tổng số học sinh phổ thông cả nước, trong đó học sinh tiểu học chiếm 0,54%; học sinh trung học cơ sở chiếm 1,41%; học sinh trung học phổ thông chiếm 30,6%. Cả nước có 93.972 học sinh trung học chuyên nghiệp ngoài công lập, chiếm 18,22% tổng số học sinh trung cấp chuyên nghiệp; 193.471 sinh viên CĐ, ĐH ngoài công lập, chiếm 12,87% tổng số sinh viên cao đẳng, đại học cả nước.

e. Công bằng xã hội trong giáo dục đã được cải thiện, đặc biệt đối với trẻ em gái, trẻ em người dân tộc và con em các gia đình nghèo.

Việc miễn, giảm học phí, cấp học bổng và các chính sách hỗ trợ khác đã tạo điều kiện cho đại bộ phận con em các gia đình nghèo, diện chính sách được học tập, trước hết ở các cấp học phổ cập. Từ năm học 2007-2008, học sinh học nghề, sinh viên cao đẳng, đại học có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn để học với số lượng lớn. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có tiến bộ rõ rệt. Đến năm học 2007-2008 đã có 278 trường dân tộc nội trú (DTNT), trong đó có 7 trường phổ thông DTNT Trung ương, 49 trường phổ thông DTNT tỉnh, 226 trường phổ thông DTNT huyện và cụm xã, thu hút khoảng 86.000 học sinh.

Cả nước đã hoàn thành công tác xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và đang thực hiện phổ cập trung học cơ sở. Đến 12/2007 đã có 40/64 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 40/64 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS. Năm 2006, tỉ lệ dân số 10 tuổi trở lên biết chữ của cả nước là 94%; số năm học trung bình của dân số từ 15 tuổi trở lên là 9,6. Sự khác biệt về trình độ học vấn giữa nam và nữ ngày càng được thu hẹp. Về cơ bản nước ta đã đạt được sự bình đẳng nam, nữ trong giáo dục cơ sở.

Nhờ những thành tựu của giáo dục và các lĩnh vực xã hội khác mà chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta theo bảng xếp loại của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) trong những năm gần đây có những tiến bộ đáng kể: từ 0,456 - xếp thứ 121 (năm 2000) tăng lên 0,704 - xếp thứ 109/177 nước. So với chỉ số phát triển kinh tế (GDP/người), HDI vượt lên 18 bậc (năm 2006).

Nguyên nhân của những thành tựu

a. Truyền thống hiếu học của dân tộc được phát huy mạnh mẽ, thể hiện trong từng gia đình, từng dòng họ, từng cộng đồng dân cư. Nhân dân ta đã không tiếc công sức, tiền của đầu tư và khuyến khích động viên con em vượt khó khăn, chăm chỉ học tập; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nhà trường dạy tốt, học tốt.

b. Sự lãnh đạo của Đảng, của Quốc hội, sự

chỉ đạo điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp, sự quan tâm tham gia đóng góp của các tổ chức đoàn thể và toàn xã hội đối với giáo dục đã góp phần quyết định cho sự thành công của sự nghiệp giáo dục.

c. Sự ổn định chính trị, những thành quả phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân của thời kì đổi mới đã tạo thêm điều kiện cũng như môi trường thuận lợi cho giáo dục phát triển. Đầu tư cho giáo dục trong tổng chi ngân sách nhà nước đã tăng từ 17% năm 2000 lên 20% năm 2007.

d. Lòng yêu nước, yêu người, yêu nghề và sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo đã góp phần quan trọng thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Đội ngũ này không chỉ truyền đạt kiến thức chuyên môn mà còn thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạo đức, lí tưởng cho học sinh, sinh viên, giải thích các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước trong nhân dân. Những giáo viên công tác ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đóng góp to lớn vào sự nghiệp trồng người.

2. Những yếu kém

Mặc dầu đã đạt được những thành tựu nêu trên, nhưng nhìn chung, giáo dục nước ta còn bộc lộ nhiều yếu kém về:

a. *Chất lượng giáo dục đại trà nói chung còn thấp*, chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội; về cơ bản chưa xây dựng được các ngành nghề đào tạo mũi nhọn ngang tầm khu vực và quốc tế. Kiến thức cơ bản về xã hội, kĩ năng sống, kĩ năng thực hành và khả năng tự học của số đông học sinh phổ thông còn kém. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT chưa có chuyển biến. Chất lượng giáo dục đại trà của giáo dục nghề nghiệp và đại học còn thấp. Chất lượng giảng dạy, học tập các môn chính trị, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ còn thấp, hiệu quả chưa cao. Học sinh, sinh viên tốt nghiệp còn hạn chế về năng lực tư duy sáng tạo, kĩ năng thực hành, khả năng thích ứng với nghề nghiệp; kỉ luật lao



động, tinh thần hợp tác và cạnh tranh lành mạnh chưa cao; khả năng tự lập nghiệp còn hạn chế.

b. Cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền đã được khắc phục một bước song vẫn còn mất cân đối. Các cơ sở giáo dục, nhất là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp tập trung quá nhiều vào các thành phố lớn, khu công nghiệp lớn. Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn khó khăn. Chưa chú trọng đúng mức đến các hình thức giáo dục không chính quy, giáo dục bên ngoài nhà trường, đặc biệt cho người lao động.

c. Đội ngũ nhà giáo vừa thiếu, vừa thừa, chưa đồng bộ. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu vừa phải tăng nhanh quy mô vừa phải đảm bảo và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên các trường đại học ít có điều kiện thường xuyên tiếp cận, cập nhật tri thức và những thành tựu khoa học, công nghệ mới của thế giới. Số giảng viên có trình độ cao (thạc sĩ hoặc tiến sĩ) còn quá ít. Tình trạng thiếu giáo viên các môn Nghệ thuật, Giáo dục quốc phòng, Thể dục, Giáo dục Công dân và Công nghệ còn tồn tại ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Cơ cấu giáo viên dạy ở các cơ sở giáo dục thường xuyên không đồng bộ.

d. Cơ sở vật chất kĩ thuật nhà trường vẫn còn thiếu thốn và lạc hậu, vẫn còn các lớp học tranh tre nứa lá ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, các phòng học cấp 4 cũ nát, xuống cấp; ở các vùng miền khác, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng dựng thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập còn rất thiếu và lạc hậu. Nguồn lực tài chính cho giáo dục chưa đảm bảo nhu cầu chi thường xuyên, nhất là đối với các tỉnh khó khăn; cơ cấu chi ngân sách giáo dục còn chưa hợp lí, phần chi cho hoạt động chuyên môn không đáng kể. Đầu tư còn dàn trải, chưa tập trung cao cho các mục tiêu ưu tiên.

e. Chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hoá. Chương trình giáo dục còn mang nặng tính hàn lâm, nặng về thi cử; chưa chú trọng đến tính

sáng tạo, năng lực thực hành và hướng nghiệp; chưa gắn bó chặt chẽ với nhu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội cũng như nhu cầu của người học. Cách dạy trong nhà trường chủ yếu vẫn là truyền thụ một chiều, nặng về lí thuyết, nhẹ về thực hành, chưa phát huy tinh thần tự học và tư duy sáng tạo của người học, chưa gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất.

g. Công tác quản lí giáo dục còn kém hiệu quả. Một số hiện tượng tiêu cực, thiếu kỉ cương trong giáo dục chưa được ngăn chặn kịp thời. Các hiện tượng "thương mại hoá giáo dục", gian lận trong kiểm tra, thi cử của học sinh, sinh viên ảnh hưởng xấu đến nhân cách và thái độ lao động của người học sau này.

Nguyên nhân của những yếu kém

a. Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước, cũng như đòi hỏi của sự chuyển đổi cơ chế quản lí kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Nhiều bộ, ngành, nhiều cấp chính quyền chưa quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, chưa cụ thể hoá kịp thời và đầy đủ trong việc hoạch định một số chính sách và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục. Chưa nhận thức đầy đủ để có giải pháp đối với các vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn. Chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của công tác dự báo và nghiên cứu khoa học giáo dục.

b. Cơ chế quản lí giáo dục chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Hệ thống luật pháp và các chính sách về giáo dục chưa hoàn chỉnh, thiếu hiệu lực. Công tác chỉ đạo, điều hành còn nhiều yếu kém, bất cập, chậm đưa ra những quyết sách đồng bộ ở tầm vĩ mô. Đạo đức và năng lực của một bộ phận cán bộ quản lí giáo dục còn thấp, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục.

(Còn nữa)

SUMMARY

The article presents some of the achievements made and remaining weaknesses in our country's education and their main causes in the early 21st century.